

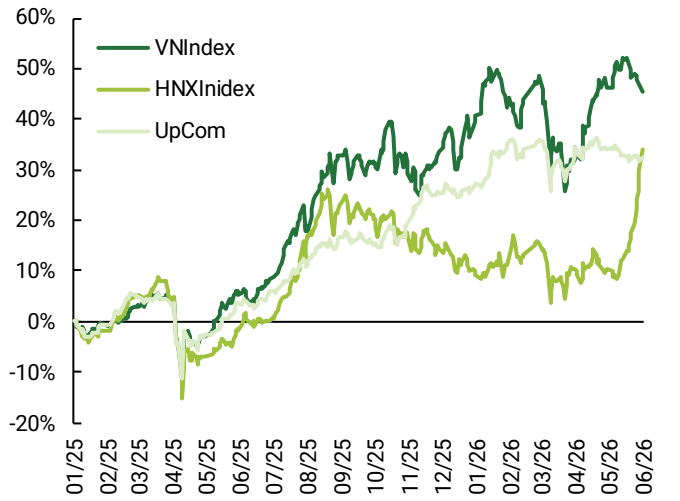
VN-Index **1844.54 (-1.02%)**
 553 Tr. cổ phiếu 15128.6 Tỷ VND (-23.10%)

HNX-Index **305.18 (3.47%)**
 53 Tr. cổ phiếu 956.2 Tỷ VND (8.65%)

UPCOM-Index **125.77 (0.45%)**
 21 Tr. cổ phiếu 370.4 Tỷ VND (-13.38%)

VN30F1M **1991.00 (-0.70%)**
 161,389 HD OI: 41,087 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1844.5, giảm -18.9 điểm (-1.02%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 giảm trong khi HNXIndex tăng điểm.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chi phối vận động thị trường. Mặc dù độ rộng nghiêng về số mã tăng giá, song, phần lớn mang tính phục hồi kỹ thuật sau nhịp giảm mạnh cuối tuần trước.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Dịch vụ tài chính: CTS (+1.8%), EVF (+2.2%), VND (+4.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+1.4%), GEE (+2.8%) | Bán lẻ: MWG (+3.7%) | Xây dựng và Vật liệu: EVG (+1.5%), DLG (+2.3%), CII (+2.3%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VRE (-3.3%), VIC (-3.0%), VHM (-2.6%) | Ngân hàng: MSB (-6.9%), STB (-1.5%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-3.7%), REE (-2.9%) | Dầu khí: BSR (-3.9%), PLX (-3.0%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | MWG, FPT, GEE, VCB, VND - Chiều giảm | VIC, VHM, GAS, BSR, MSB.
 Khối ngoại Bán ròng hơn 600 tỷ, tập trung nhiều ở ACB, BSR, MSB, trong khi mua ròng MWG, FPT, VCB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** đóng cửa với nền giảm thân lớn. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh và chưa hình thành nhóm dẫn dắt rõ ràng, trong khi áp lực hạ nhiệt từ các mã trụ lớn vẫn hiện hữu. Về mặt kỹ thuật, Việc chỉ số đánh mất ngưỡng 1850 điểm đã gia tăng khả năng lùi về kiểm định vùng tâm lý 1800 điểm. Dù vậy, điểm tích cực là thanh khoản duy trì mức thấp, cho thấy lực cung chưa thực sự chủ động. Đà giảm có thể đan xen các phiên bật tăng kỹ thuật nếu lực cầu bắt đáy cải thiện hơn. Kháng cự hiện hiện là vùng 1880 – 1900 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số vượt đỉnh 2025 nhưng thanh khoản chưa phục hồi tương xứng. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi đà tăng ở mã THD, nên rủi ro đảo chiều hiện hữu nếu cổ phiếu mất đà.
- Chiến lược:** Theo dõi kiểm định đáy hai: Nhiều cổ phiếu đã xuất hiện phản ứng bật tăng tại vùng đáy trung hạn, qua đó hình thành đáy đầu tiên của nhịp điều chỉnh. Việc hạ nhiệt sau nhịp hồi là diễn biến kỹ thuật bình thường. Trong trường hợp thị trường tiếp tục điều chỉnh, cần theo dõi khả năng kiểm định lại vùng hỗ trợ này. Nếu lực cầu duy trì tốt và các cổ phiếu không đánh mất đáy gần nhất, kịch bản hình thành đáy thứ hai sẽ được củng cố. Khi đó, mặt bằng cổ phiếu có thể xuất hiện sự phân hóa tích cực và duy trì xu hướng độc lập hơn với biến động của chỉ số.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,844.5 ▼	-1.0%	-2.2%	-0.5%	15,128.6 ▼	-23.1%	-20.3%	-28.3%	553.1 ▼	-25.2%	-21.4%	-23.5%
HNX-Index	305.2 ▲	3.5%	12.3%	21.8%	956.2 ▲	8.7%	-2.8%	-16.8%	53.0 ▲	6.7%	0.0%	-15.8%
UPCOM-Index	125.8 ➡	0.4%	-0.3%	-1.3%	370.4 ▼	-13.4%	-21.5%	-29.5%	21.3 ▼	-47.4%	-30.8%	-29.1%
VN30	1,989.7 ▼	-0.4%	-1.6%	-1.6%	9,018.1 ▼	-24.4%	-19.2%	-23.4%	205.8 ▼	-31.8%	-28.2%	-28.7%
VNMID	2,152.3 ➡	0.1%	-1.4%	-1.9%	4,962.9 ▼	-21.1%	-26.3%	-38.8%	231.2 ▼	-24.4%	-33.2%	-36.0%
VNSML	1,364.7 ➡	0.3%	-0.1%	-3.0%	621.5 ▼	-27.1%	-7.8%	-24.0%	49.8 ▼	-18.7%	-6.7%	-17.4%
Theo ngành (VNINDEX)												
Ngân hàng	645.5 ▼	-0.4%	-1.00%	2.2%	3,818.7 ▼	-33.0%	-36.5%	-37.9%	174.2 ▼	-31.7%	-35.9%	-32.6%
Bất động sản	958.3 ▼	-2.5%	-3.2%	-0.4%	2,230.8 ▼	-37.8%	-38.6%	-50.3%	66.4 ▼	-36.4%	-34.5%	-48.4%
Dịch vụ tài chính	309.7 ▼	-0.1%	-0.8%	0.2%	2,016.9 ▼	-22.5%	-15.8%	-23.1%	99.9 ▼	-21.6%	-13.5%	-17.8%
Công nghiệp	276.7 ➡	1.0%	-3.0%	4.7%	738.8 ▼	-14.9%	-28.5%	-47.3%	19.4 ▼	-20.3%	-30.1%	-50.3%
Tài nguyên cơ bản	529.8 ➡	0.2%	-0.4%	0.4%	354.0 ▼	-29.1%	-39.3%	-58.3%	20.0 ▼	-17.3%	-32.8%	-46.5%
Xây dựng - Vật Liệu	169.1 ➡	0.4%	-1.6%	-3.4%	464.4 ▼	-29.3%	-27.2%	-60.0%	31.9 ▼	-12.3%	-10.6%	-42.4%
Thực phẩm	489.7 ▼	-0.4%	-6.6%	-26.0%	724.1 ▼	-4.8%	-21.8%	-37.0%	20.5 ▲	17.3%	-10.3%	-22.3%
Bán Lẻ	1,450.6 ▲	2.3%	0.2%	-6.4%	524.9 ▼	-36.1%	-17.4%	-30.1%	7.0 ▼	-38.6%	-23.0%	-31.4%
Công nghệ	398.4 ▲	1.7%	0.4%	-2.2%	521.2 ▼	-23.1%	-17.4%	-43.3%	7.8 ▼	-38.9%	-27.6%	-44.6%
Hóa chất	182.3 ▼	-0.1%	0.2%	0.4%	423.6 ▼	-4.4%	20.1%	-30.8%	12.2 ▼	-7.4%	17.0%	-27.4%
Tiện ích	774.5 ▼	-1.8%	1.5%	7.5%	273.7 ▼	-39.0%	-22.5%	-46.8%	9.9 ▼	-34.8%	-33.9%	-53.0%
Dầu khí	113.1 ▼	-3.5%	1.0%	13.1%	396.2 ▼	-46.5%	-22.6%	-54.7%	12.7 ▼	-45.8%	-22.6%	-53.4%
Dược phẩm	414.0 ➡	0.4%	-0.2%	-1.1%	107.9 ▲	11.4%	0.2%	45.7%	6.2 ▼	-8.9%	25.1%	84.6%
Bảo hiểm	106.1 ▼	-0.5%	-1.9%	-2.2%	22.7 ▼	-46.5%	-54.7%	-63.1%	1.0 ▼	-6.1%	-44.1%	-28.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,844.5 ▼	-1.02%	3.4%	15.3x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,568	-	24.5%	0.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,127	-	-29.1%	14.7x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,580	-	2.2%	15.5x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,799 ➡	0.53%	-4.2%	8.8x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,058 ▼	-0.27%	2.2%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,398 ➡	0.86%	-0.9%	13.0x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	66,934 ➡	0.91%	33.0%	24.5x	3.1x
S&P 500	Mỹ	7,580 ➡	0.22%	10.7%	27.9x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	51,032 ➡	0.72%	6.2%	24.5x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,397 ▼	-0.12%	4.7%	16.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,057 ➡	0.11%	4.6%	17.3x	2.4x
DXY		99.0 ➡	0.10%	0.7%		
USDVND		26,317 ➡	0.06%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

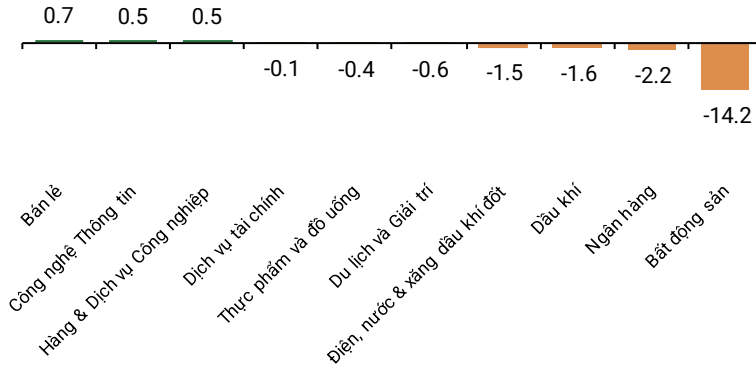
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	2.12%	-13.1%	54.5%	46.5%
Dầu WTI	▲	3.65%	-11.2%	57.7%	49.0%
Khí gas	▲	1.9%	20.6%	-9.0%	-2.7%
Than cốc (*)	➡	0.0%	6.7%	10.4%	26.2%
Thép HRC (*)	➡	0.3%	0.7%	4.6%	6.1%
PVC (*)	➡	0.7%	-5.9%	7.5%	3.4%
Phân Urea (*)	▼	-25.1%	-32.3%	31.3%	38.1%
Cao su thiên nhiên	➡	0.3%	5.7%	27.7%	41.9%
Bông Cotton	▲	1.6%	-5.4%	20.4%	19.0%
Đường	▲	2.5%	-3.6%	-4.0%	-15.5%
World Container Index	➡	0.0%	26.3%	26.5%	11.6%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.0%	-24.9%	56.8%	124.3%
Vàng	▼	-0.74%	-2.3%	4.3%	37.0%
Bạc	➡	0.75%	0.7%	5.9%	130.0%

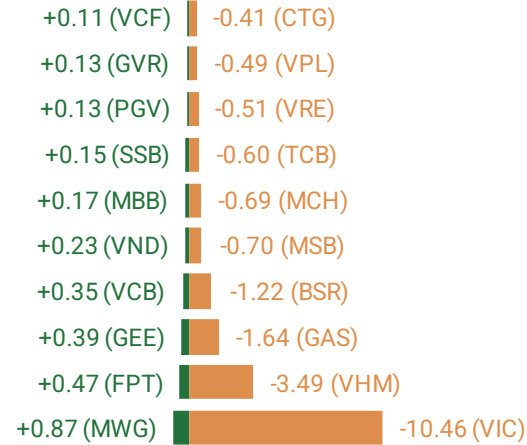
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

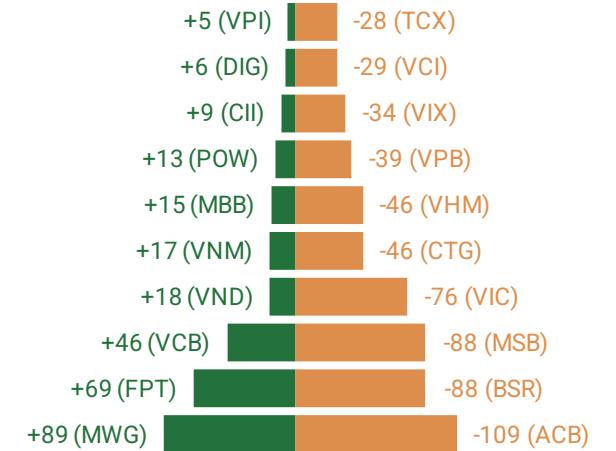
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



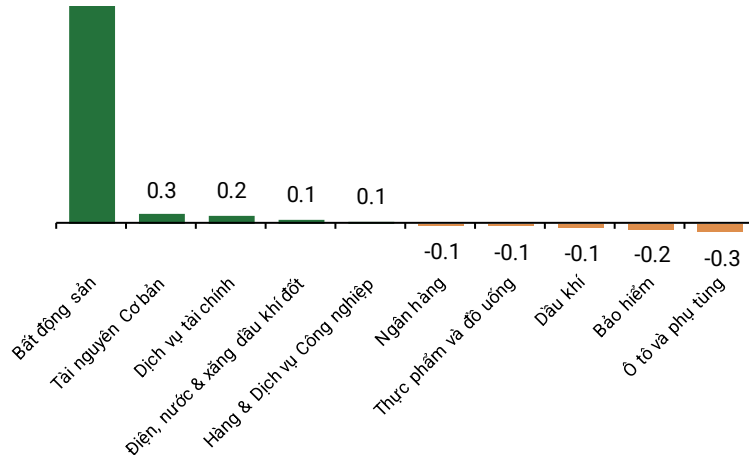
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



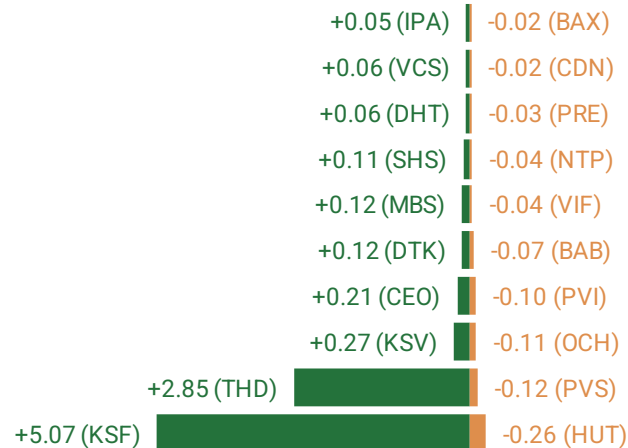
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



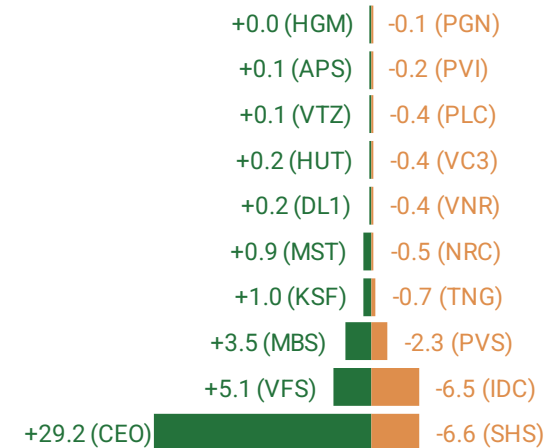
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



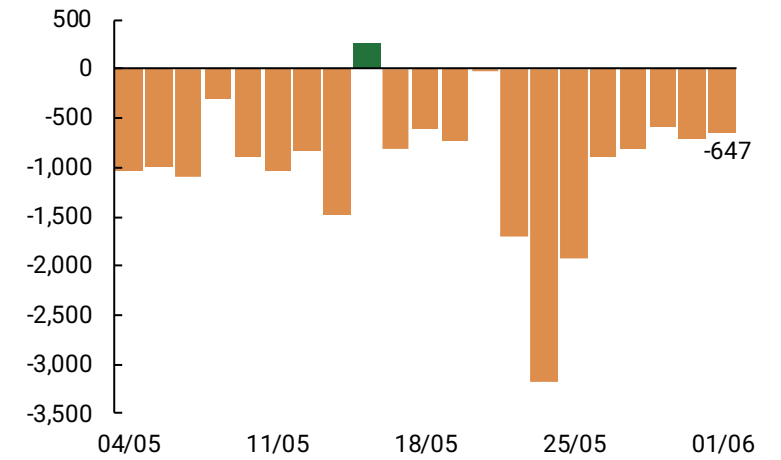
	VHM	VIX	SHB	VIC	FPT
%DoD	-2.6%	1.1%	-0.4%	-3.0%	1.8%
Giá trị	712	657	600	438	436

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	EIB	KBC	GEX	TPB
%DoD	-0.5%	0.5%	-0.3%	0.3%	-1.3%
Giá trị	2,144	143	131	121	93

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



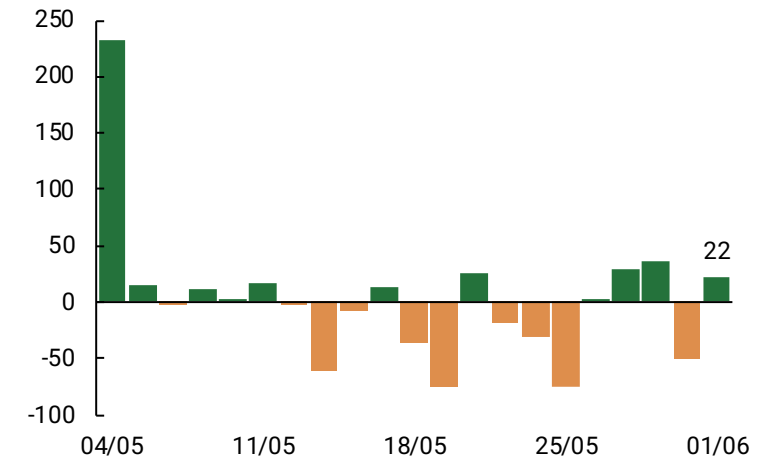
	SHS	CEO	KSF	MBS	IDC
%DoD	1.1%	3.8%	9.9%	1.0%	0.5%
Giá trị	217	144	71	53	47

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	INN	HUT	TIG	IDC	TDT
%DoD	0.3%	-2.5%	-1.5%	0.5%	0.0%
Giá trị	92	32	14	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1850.
- ✓ Kháng cự: 1910 | 1950.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI giảm dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1850 điểm làm gia tăng khả năng kiểm định mốc tâm lý 1800 điểm. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp, cho thấy cung bán chưa thực sự quyết liệt. Đà giảm từ đó có thể đan xen các phiên hồi phục kỹ thuật nếu lực cầu bắt đáy cải thiện. Để VN-Index thoát khỏi nhịp điều chỉnh, vận động cần trở lại trên ngưỡng 1910 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1970 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2050 | 2100.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI giảm dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vận động lùi về dưới ngưỡng 1995 điểm làm gia tăng khả năng tiếp tục điều chỉnh về vùng 1950 - 1970 điểm. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp cho thấy cung bán chưa thực sự chủ động. Đà giảm có thể kèm theo các phiên hồi phục kỹ thuật. Chiều ngược lại, đà tăng được xác nhận khi VN30 bút phá và củng cố được trên ngưỡng 2050 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.1	25.9 - 26.1	-3.5%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	SAB	Mua	22/05/2026	-	47.2	47.8 - 48.2	-1.7%	53	10.4%	45.5	-5.2%	
3	VCB	Mua	28/05/2026	-	62.2	63 - 63.5	-1.7%	70	10.7%	60	-5.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1991, giảm 14 điểm (-0.7%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì dưới đường tín hiệu, cùng với RSI chưa thể phục hồi lên trên mức trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Dù vậy, giá vừa sập gãy ngưỡng tâm lý 2000 điểm thường có xu hướng quay lại kiểm định. Vị thế Short nên chờ khi giá hồi và suy yếu dưới vùng 1995 – 2000, hoặc khi giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 1984. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại củng cố trên ngưỡng 2006.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1917.1, giảm 19.4 điểm (-1.0%). Độ lệch basis 1.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 18 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1910 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1930 điểm.

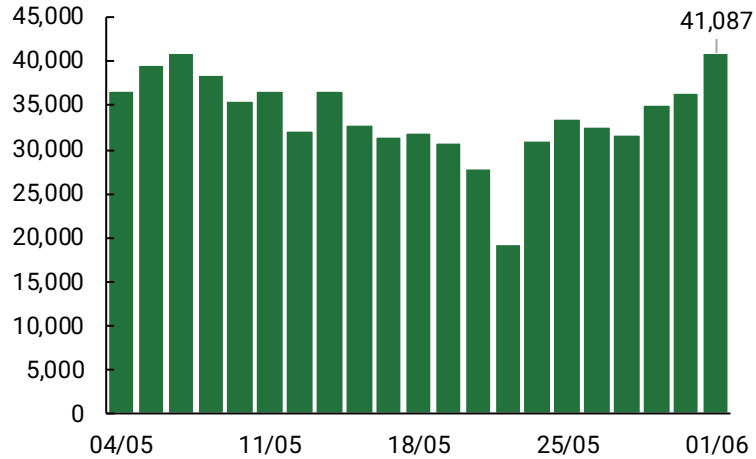
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1995	1984	2004	11 : 9
Short	< 1984	1972	1992	12 : 8
Long	> 2006	2020	1997	14 : 9

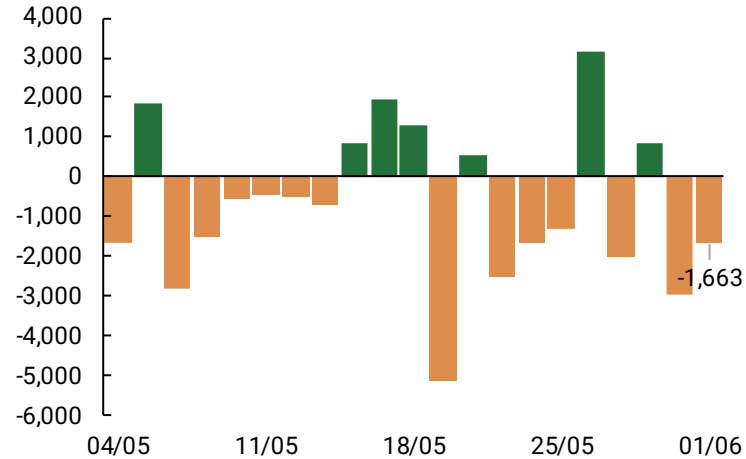
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,985.8	-24.0	25	117	2,006.2	-20.4	17/12/2026	199
4111G9000	1,990.0	-19.0	32	447	1,998.6	-8.6	17/09/2026	108
4111G7000	1,988.0	-17.2	327	582	1,993.4	-5.4	16/07/2026	45
4111G6000	1,991.0	-14.0	161,389	41,087	1,991.1	-0.1	18/06/2026	17
4112G6000	1,917.1	-19.4	18	17	1,916.6	0.5	18/06/2026	17

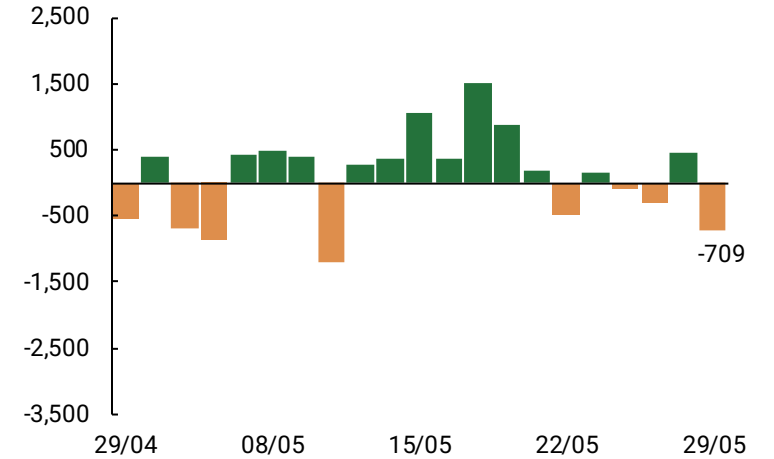
Khối lượng mở (Open interest)



Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



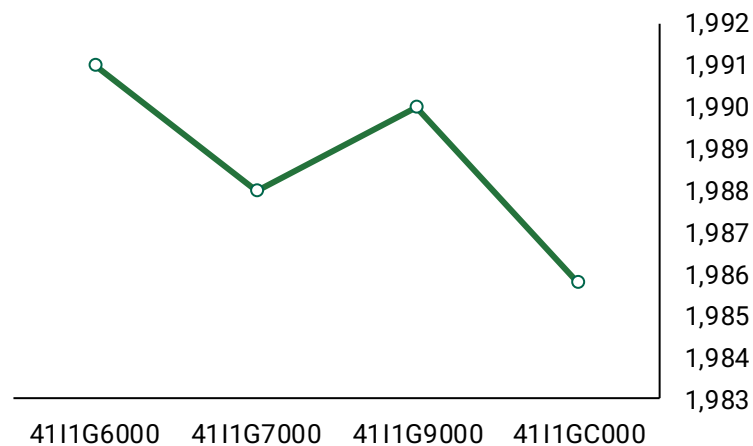
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



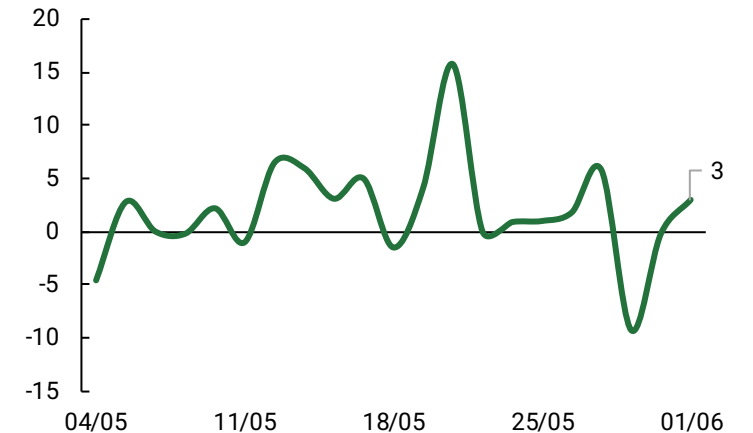
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

PMI tháng 5/2026 - Số lượng đơn đặt hàng mới và hoạt động mua hàng tăng trở lại: Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global tăng lên 52.8 trong tháng 5, tăng từ mức 50.5 của tháng 4 và đạt mức cao nhất kể từ tháng 2, là tháng ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh ở Trung Đông. Các điều kiện kinh doanh nhìn chung đã cải thiện liên tục lần thứ 11 trong 11 tháng.

Dầu WTI tăng gần 3% khi Israel mở rộng chiến dịch tại Lebanon: Giá dầu tăng mạnh trong sáng ngày 01/06 sau khi Israel quyết định mở rộng chiến dịch quân sự tại Lebanon. Động thái này làm dấy lên lo ngại xung đột trong khu vực sẽ leo thang, ảnh hưởng đến tiến trình đàm phán và thỏa thuận ngừng bắn giữa Mỹ và Iran. Mệnh lệnh này được đưa ra bất chấp lệnh ngừng bắn được công bố từ tháng 4.

EU siết phòng vệ thương mại trước sức ép hàng nhập khẩu từ Trung Quốc: Liên minh châu Âu đang thúc đẩy cách tiếp cận quyết liệt hơn nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp chủ chốt trước sức ép cạnh tranh từ hàng hóa Trung Quốc và tái cân bằng quan hệ thương mại với Bắc Kinh. Thâm hụt thương mại của EU với Trung Quốc hiện vào khoảng 360 tỷ euro/năm, tương đương gần 1 tỷ euro mỗi ngày và có thể tăng lên 500 tỷ euro/năm nếu không kịp thời điều chỉnh.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

STB - Ngân hàng thu giữ hơn ngàn sổ đỏ để xử lý nợ xấu: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) thông báo sẽ thu giữ 507 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tại dự án Viva City (LDG) vì công ty này vi phạm nghĩa vụ trả nợ và các hợp đồng thế chấp. Thời gian thực hiện thu giữ dự kiến từ ngày 5 đến 25/6. Dự án Viva City có quy mô gần 92 ha, tổng đầu tư 1,534 tỷ đồng, trong đó LDG đã đầu tư hơn 145 tỷ đồng đến ngày 31/3. Việc thu giữ nhằm xử lý nợ xấu của Sacombank.

BAF - Baf Việt Nam thu tóm thêm doanh nghiệp chăn nuôi tại Quảng Trị: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam vừa hoàn thành chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hân, với vốn điều lệ 110 tỷ đồng, đồng thời đã nhận 25% vốn góp (54 tỷ đồng) của Hùng Phát Farm Một. Hai thương vụ này nâng tổng tài sản và mở rộng hoạt động chăn nuôi lợn, giúp BAF tăng quy mô kinh doanh và tiềm năng lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp.

REE nhận bảo lãnh khoản vay 1.5 ngàn tỷ cho dự án điện gió tại Vĩnh Long: Cơ Điện Lạnh REE đã được thông qua nghị quyết cho vay hơn 1.5 nghìn tỷ đồng, tương đương 70% vốn đầu tư, nhằm triển khai dự án Nhà máy Điện Gió V1-3 giai đoạn 2 tại Vĩnh Long, công suất 48 MW. Khoản vay 12 năm được bảo lãnh vô điều kiện bởi REE Energy và được hỗ trợ bởi các ngân hàng Shinhan Việt Nam, Bank of China (HCM) và Hua Nan Commercial Bank (HCM). Việc nhận bảo lãnh mạnh mẽ giúp dự án tiến triển và củng cố vị trí của REE trong lĩnh vực điện gió.

DBD - Bidiphar khởi động dự án chuyển đổi số quy mô lớn: Bidiphar và Citek khởi động dự án chuyển đổi số quy mô lớn, nâng cấp SAP ERP lên SAP S/4HANA Private Cloud, triển khai CSV đạt GMP-EU, áp dụng IFRS và QR Code, đồng thời xây dựng Data Warehouse & BI. Dự án thể hiện bước tiến chiến lược, nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tính minh bạch và tuân thủ chuẩn quốc tế, tạo nền tảng phát triển bền vững và mở rộng thị trường trong và ngoài nước cho Bidiphar – doanh nghiệp dược phẩm tiên phong tại Việt Nam.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	54,700	73,400	34.2%	Mua
CTG	34,550	45,200	30.8%	Mua
CTD	72,200	82,900	14.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,200	68,000	32.8%	Mua
DDV	25,776	35,900	39.3%	Mua
DGW	40,000	47,500	18.8%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,650	42,900	5.5%	Nắm giữ
DPR	42,000	46,500	10.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,143	17,200	21.6%	Mua
EVF	13,700	14,400	5.1%	Nắm giữ
FRT	127,100	157,600	24.0%	Mua
GMD	73,300	92,700	26.5%	Mua
HAH	53,900	60,300	11.9%	Tăng tỷ trọng
HDG	23,400	34,000	45.3%	Mua
HHV	11,750	12,300	4.7%	Nắm giữ
HPG	24,050	30,700	27.7%	Mua
IMP	46,100	55,000	19.3%	Tăng tỷ trọng
KDH	22,650	38,800	71.3%	Mua
MCH	132,500	177,200	33.7%	Mua
MWG	79,100	115,600	46.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,100	34,000	35.5%	Mua
NLG	26,750	39,900	49.2%	Mua
NT2	22,950	27,700	20.7%	Mua
PHR	67,800	72,800	7.4%	Nắm giữ
PNJ	65,800	75,500	14.7%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,600	39,900	3.4%	Nắm giữ
PVT	22,100	18,900	-14.5%	Bán
POW	13,800	15,000	8.7%	Nắm giữ
SAB	47,200	57,900	22.7%	Mua
SSI	27,450	32,100	16.9%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,000	50,900	3.9%	Nắm giữ
TCB	32,350	41,700	28.9%	Mua
TCM	20,850	35,300	69.3%	Mua
TRC	76,000	94,800	24.7%	Mua
VCB	62,200	84,200	35.4%	Mua
VPB	26,950	36,500	35.4%	Mua
VCG	20,200	26,200	29.7%	Mua
VHC	58,300	60,000	2.9%	Nắm giữ
VNM	59,100	66,650	12.8%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801